CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Chiếu sáng Công cộng thành phố Hồ Chí Minh

Ngày 30/06/2025	12,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**-0.8%**	**-7.7%**

DT thuần
Q2/25
181
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 118| 189%
YoY: ▼126| -41.1%

LN thuần
Q2/25
8.87
tỷ VNĐ
YoY: ▼6.13| -40.9%

LN sau thuế
Q2/25
7.09
tỷ VNĐ
YoY: ▼4.91| -40.9%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
4.9%
YoY: +/-▼ 9.3%

ROE (TTM)
Q2/25
9.1%
YoY: +/-▼ 1.4%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	9,897 - 14,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	341
Số lượng CPLH (CP)	28,400,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,550
Sở hữu nước ngoài	3.7%
Beta	0.51
EPS	1,063
P/E	11.3

DT thuần
6T 2025
243
tỷ VNĐ
YoY: ▼147| -37.6%

LN thuần
6T 2025
17.7
tỷ VNĐ
YoY: ▼6.40| -26.4%

LN sau thuế
6T 2025
14.2
tỷ VNĐ
YoY: ▼5.10| -26.4%

Cơ cấu sở hữu

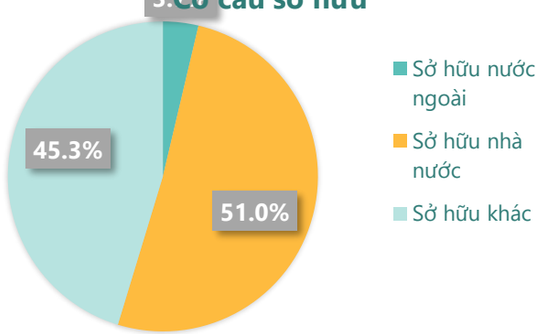

(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

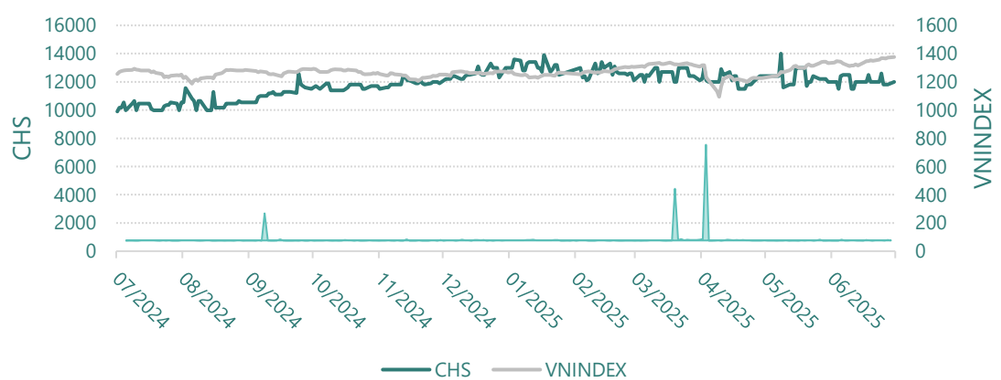

Cơ cấu cổ đông

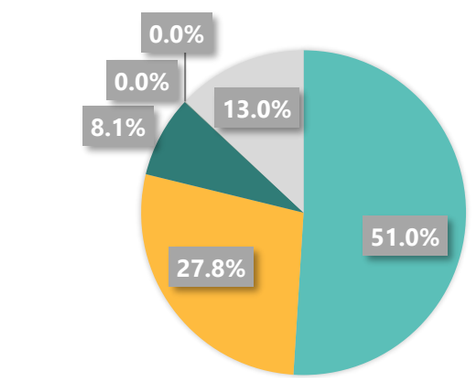

- Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh
- CTCP Long Hậu
- Nguyễn Thành Đức
- Dương Chí Nam (Phó Tổng giám đốc)
- Trần Chiến Thắng
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp

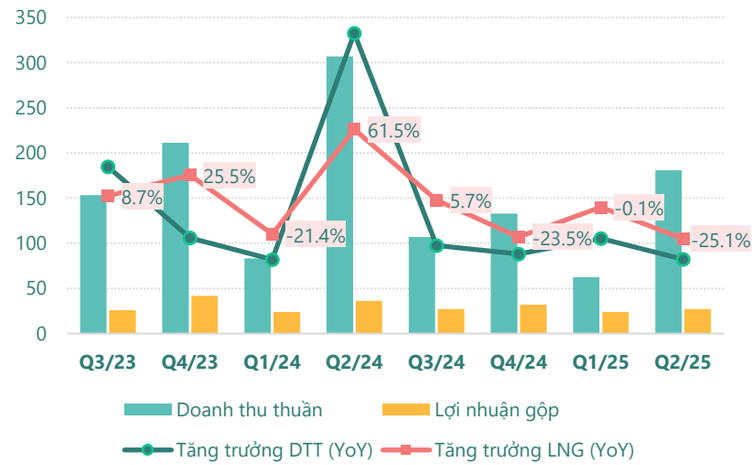

(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận

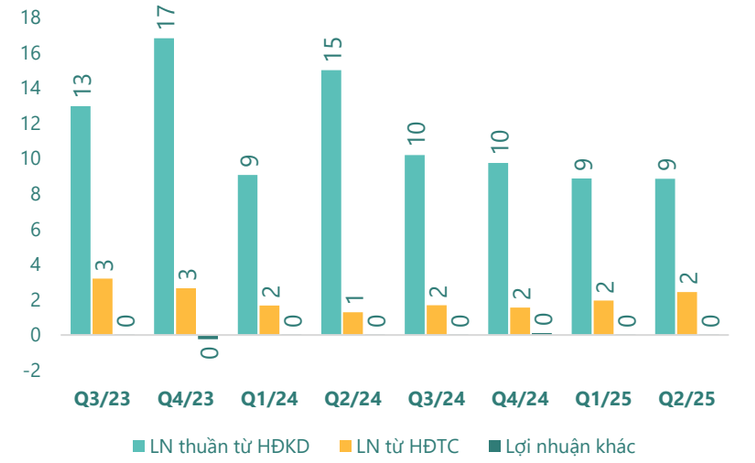

(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí

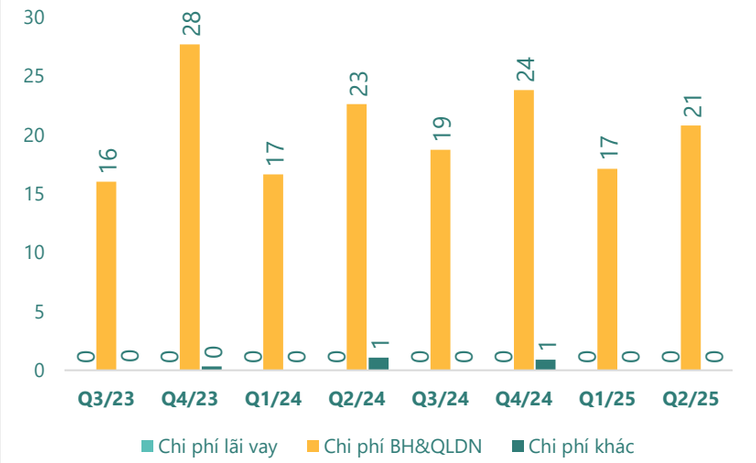

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận

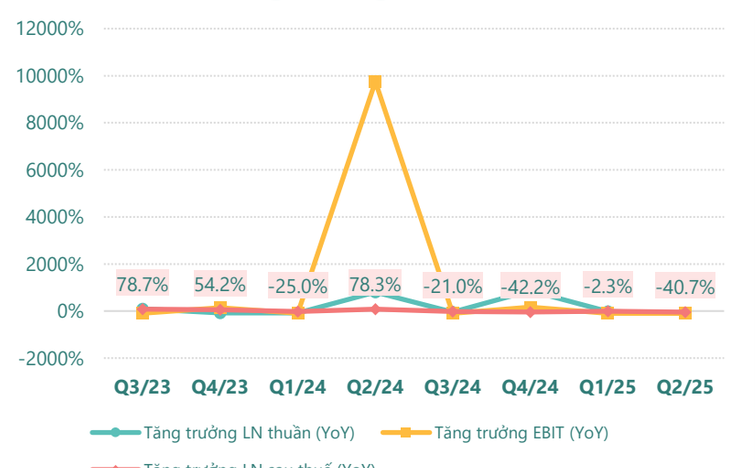

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

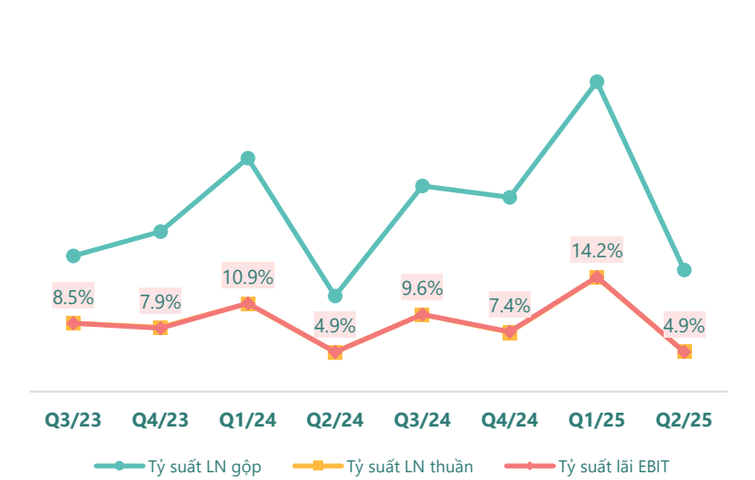

(Nguồn: fireant.vn)

Cổ tức

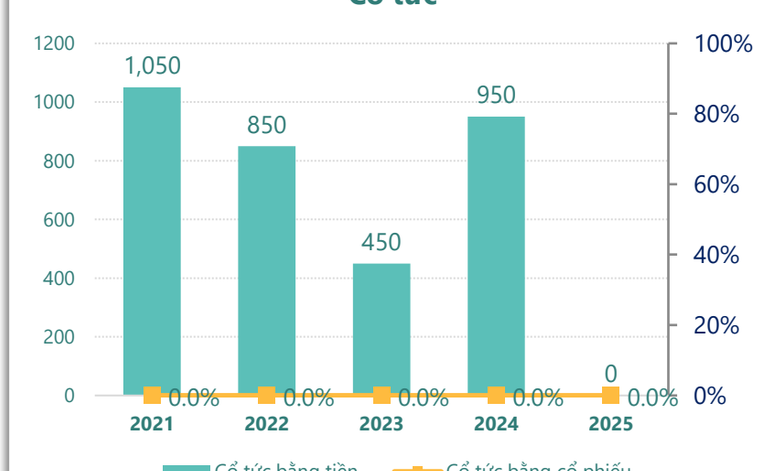

(Nguồn: fireant.vn)

TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

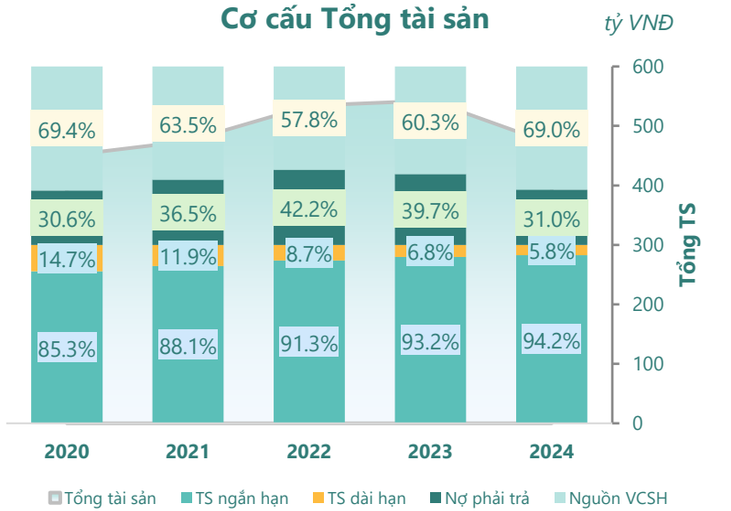

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

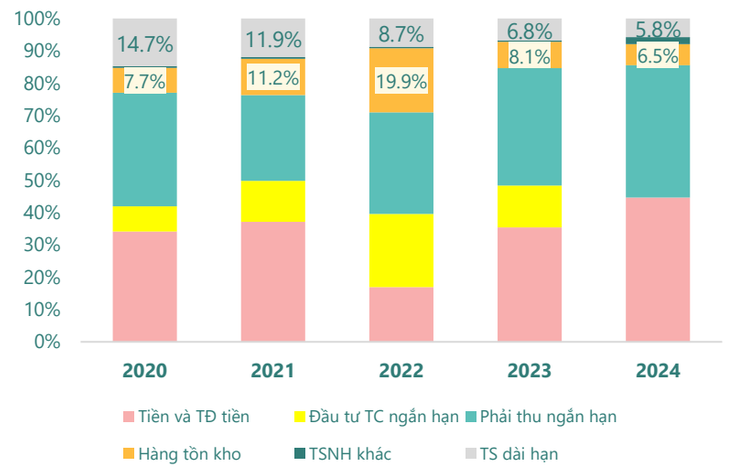

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

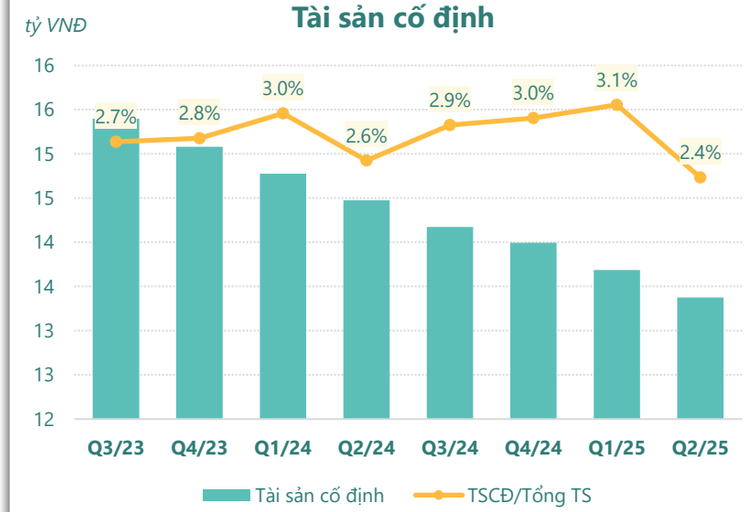

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

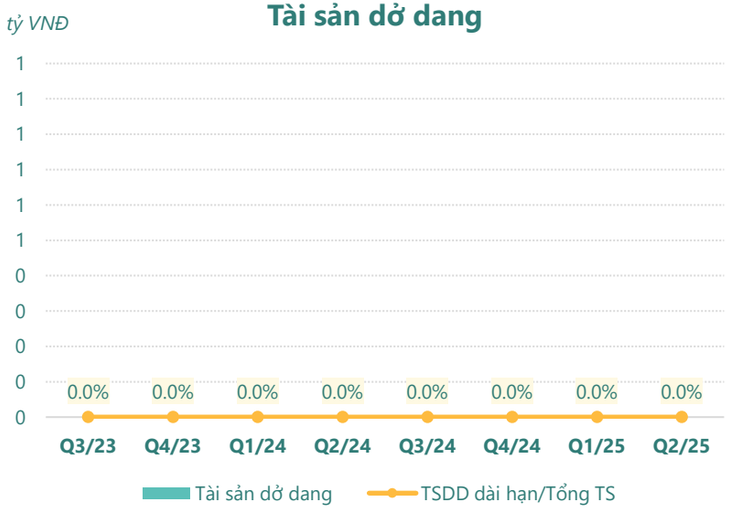

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

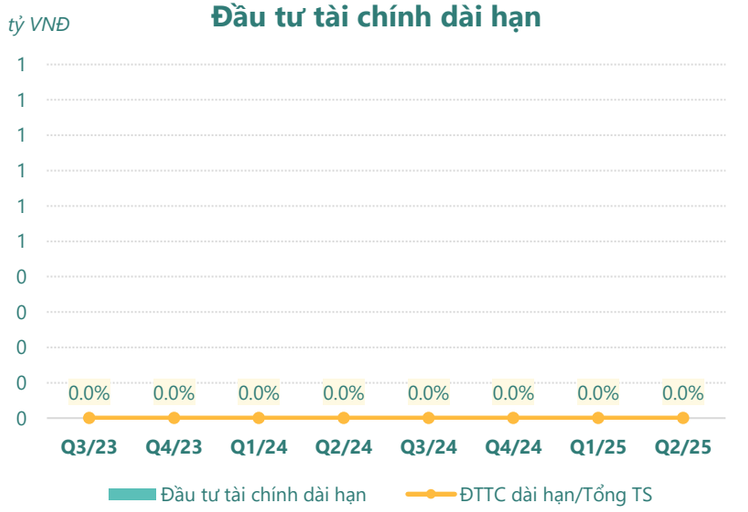

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

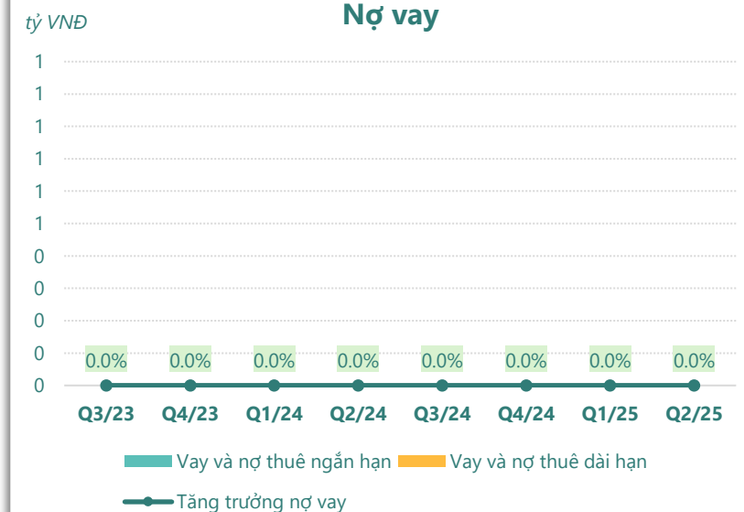

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH

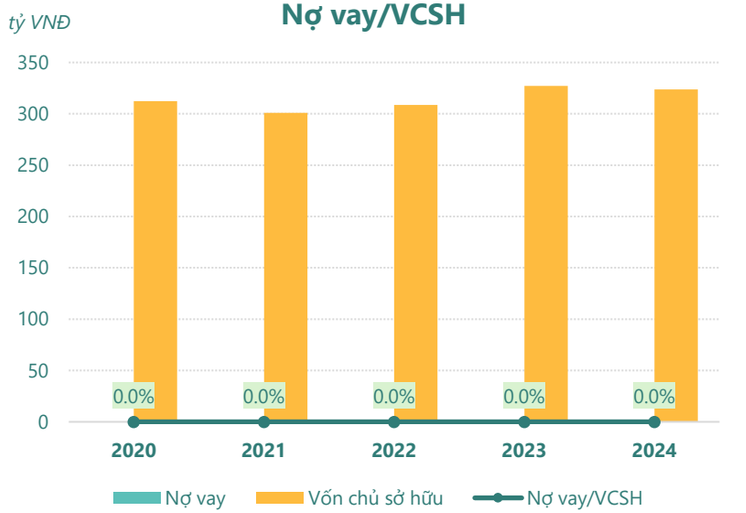

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

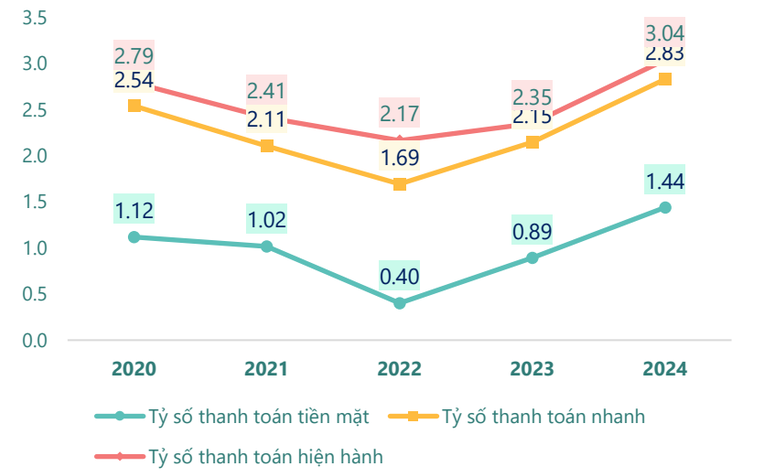

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

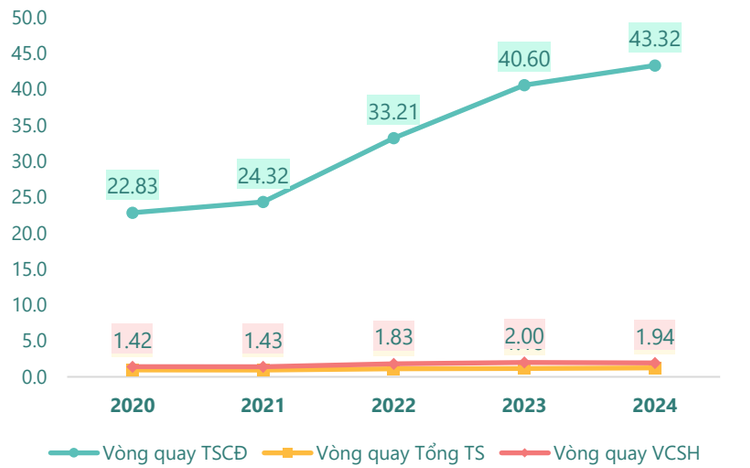

(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay

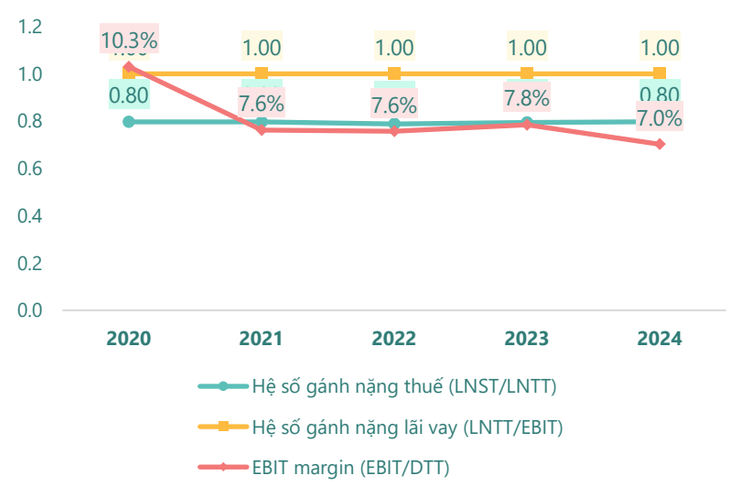

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE

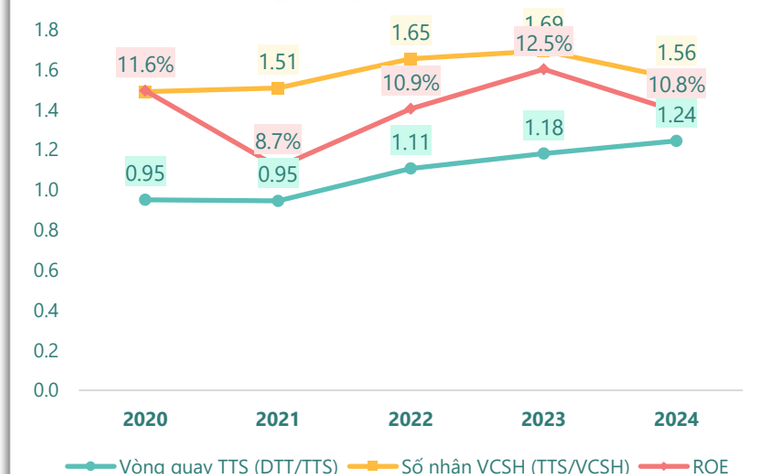

(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn

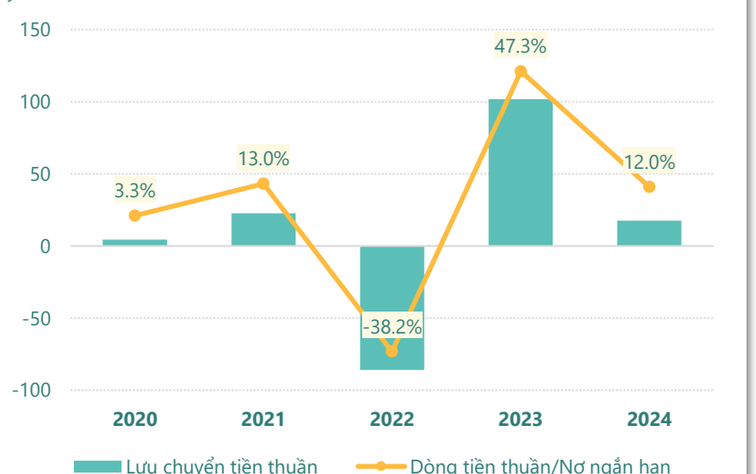

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**181**	**307**	**-41.1%**	**243**	**390**	**-37.6%**
Giá vốn hàng bán	153	271	-43.4%	192	330	-41.7%
Lợi nhuận gộp	27.3	36.4	-25.1%	51.3	60.4	-15.1%
Doanh thu HĐTC	2.43	1.28	89.9%	4.38	2.95	48.5%
Chi phí TC	0	0.00		0	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**20.8**	**22.6**	**-7.9%**	**37.9**	**39.3**	**-3.4%**
LN thuần từ HĐKD	8.87	15.0	-40.9%	17.7	24.1	-26.4%
Lợi nhuận khác	**0.02**	**0.02**	**23.3%**	**0.05**	**0.05**	**1.2%**
LN trước thuế	8.89	15.0	-40.7%	17.8	24.1	-26.3%
Lợi nhuận sau thuế	**7.09**	**12.0**	**-40.9%**	**14.2**	**19.3**	**-26.4%**
LNST của CĐ cty mẹ	**7.09**	**12.0**	**-40.9%**	**14.2**	**19.3**	**-26.4%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	25.7	17.0	-44.6	-31.9	71.8	19.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	53.8	21.3	1.54	1.76	-18.7	-88.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.02	-0.01	-0.01	-27.0	-0.01	0.00
Tiền đầu kỳ	192	272	310	267	210	263
Lưu chuyển tiền thuần	**79.5**	**38.3**	**-43.1**	**-57.2**	**53.1**	**-69.9**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	272	310	267	210	263	193

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**559**	**470**	**19.1%**
Tài sản ngắn hạn	537	443	21.4%
Tiền và tương đương tiền	193	210	-8.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	111	0	
Phải thu ngắn hạn	148	192	-23.2%
Hàng tồn kho	83.4	30.5	173%
Tài sản ngắn hạn khác	2.25	10.1	-77.6%
Tài sản dài hạn	**22.2**	**27.2**	**-18.4%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	13.4	14.0	-4.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**8.80**	**13.2**	**-33.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	231	146	58.4%
Nợ ngắn hạn	**231**	**146**	**58.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	165	66.0	150%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**329**	**324**	**1.4%**
Vốn chủ sở hữu	**328**	**324**	**1.4%**
Vốn điều lệ	284	284	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0.35**	**0.35**	**0.0%**

(Nguồn: fireant.vn)